TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Việt.
2. Ông Nguyễn Văn Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Thôn G1, xã G, huyện T1, Bình Định.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1986 (Vắng mặt lần 02).
Đồng trú tại: Thôn T2, xã TT, huyện T1, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Võ Thị Mỹ T trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện T1 vào ngày 30/7/2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì, chị yêu cầu ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Võ Quỳnh A, sinh ngày 27/10/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung (A) cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung

hàng tháng với mức 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung (A) đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt không có lý do: A Nguyễn Ngọc H đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 03/7/2023, Công an xã TT cung cấp: Anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T2, xã TT, huyện T1; chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác;

Theo cung cấp của chính quyền thôn T2: cháu Nguyễn Võ Quỳnh A sinh ngày 27/10/2018 là con của anh Nguyễn Ngọc H và chị chị Võ Thị Mỹ T (con của bà Võ Thị D ở xóm X, thôn T2, xã TT). Từ trước đến nay cháu A do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T bỏ đi từ năm 2020, thỉnh thoảng có về địa phương thăm con một năm một hay hai lần gì đó.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chị Võ Thị Mỹ T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Võ Quỳnh A sinh ngày 27/10/2018 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: công nhận sự tự nguyện của chị T: chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Võ Quỳnh A hàng tháng với mức 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung (A) đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Võ Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: chị Võ Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện T1 vào ngày 30/7/2014 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn không được giải quyết mà kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ năm 2020 đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên: Nguyễn Võ Quỳnh A (nữ) sinh ngày 27/10/2018, hiện đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị T yêu cầu giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị T là đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung (A) đủ 18 tuổi, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, phù hợp với quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: cần buộc chị Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.
- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ T:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Võ Quỳnh A (nữ) sinh ngày 27/10/2018 cho anh Nguyễn Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Mỹ T: chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Võ Quỳnh A hàng tháng với mức 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung (A) đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007870 ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp xong án phí ly hôn.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam